

SÀI GÒN ME KONG

NPK 8-5-8+10HC

- **MSPB:** 01725
- **Dạng phân bón:** Dạng bột
- **Màu sắc phân bón:** Nâu đen
- **Nguồn gốc:** Sản xuất trong nước

CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG PHÂN BÓN

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Hàm lượng	Phương pháp phân tích
Đạm tổng số ($N_{t\%}$)	%	8	TCVN 8557:2010
Lân hữu hiệu (P_2O_{5hh})	%	5	TCVN 8559:2010
Kali hữu hiệu (K_2O_{hh})	%	8	TCVN 8560:2018
Chất hữu cơ	%	10	TCVN 9294:2012
Độ ẩm	%	10	TCVN 9297:2012
pH_{H_2O}		5	Ref.TCVN 5979:2007

CÔNG DỤNG

- Cung cấp nguồn dinh dưỡng hữu cơ cho vi sinh vật đất phát triển.
- Cải thiện và ổn định pH đất.
- Cải thiện độ phì nhiêu của đất, nâng cao hiệu quả sử dụng phân bón.
- Tăng sức đề kháng của cây trồng đối với sâu bệnh và các điều kiện bất lợi của môi trường như hạn, mặn, lạnh, úng.
- Tăng năng suất cây trồng, tăng chất lượng nông sản và bảo vệ môi trường.
- Cung cấp đầy đủ và cân đối nguồn dinh dưỡng khoáng hữu cơ, đặc biệt là kali hữu cơ để hấp thu giúp cây trồng chuyển hóa nhanh đường vào trái giúp trái ngọt đậm
- Giúp lúa có đồng to, trổ đều, bông lớn, tổng hợp nhiều tinh bột, hạt lúa vào chắc nhanh, bóng sáng.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Loại cây trồng	Liều lượng	Thời kỳ bón
Cây ăn trái	1 - 3 kg/cây/lần	Bón vào giai đoạn nuôi trái
Cây công nghiệp	1 - 3 kg/cây/lần	Bón vào giai đoạn cây con. Trổ bông, nuôi trái.
Rau màu	40 - 50 kg/1.000 m ²	Trước và sau thu hoạch.
Lúa	15 - 20 kg/1.000 m ²	Bón vào giai đoạn đón đồng. Bón vào giai đoạn lúa con gái me.

PHƯƠNG PHÁP BÓN

- Bón rể.
- Tưới nước tối thiểu 1 lần/ngày.
- Càn xới đất trước khi bón để tăng hiệu quả sử dụng.

YẾU TỐ HẠN CHẾ TRONG PHÂN BÓN ĐẶNG KÝ

Tên yếu tố	Đơn vị tính	Hàm lượng	Phương pháp phân tích
Thủy ngân (Hg)	mg/kg hoặc mg/l hoặc ppm khối lượng	≤ 2	Ref. AOAC 971.21
Chì (Pb)	mg/kg hoặc mg/l hoặc ppm khối lượng	≤ 200	TCVN 9290:2018
Asen (As)	mg/kg hoặc mg/l hoặc ppm khối lượng	≤ 10	Ref. TCVN 8467:2010
Cadimi (Cd)	mg/kg hoặc mg/l hoặc ppm khối lượng	≤ 5	TCVN 9291:2018
<i>E.coli</i>	MPN/g hoặc MPN/ml hoặc CFU/g hoặc CFU/ml	< 1,1x10 ⁵	Ref. TCVN 6846:2007
<i>Salmonella</i>	CFU/g hoặc CFU/ml	KPH	Ref. TCVN 10780-1:2017
Yếu tố khác			